

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2025/KDTM-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ

2. Bà Vương Tấn Độ

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Từ Ngọc Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2024/TLST – KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 761/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 610/2025/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V.N.T.V; Trụ sở: X L.H, phường Đ.Đ (phường L.H, quận Đ.Đ cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông M.K.L, ông N.M.T sinh năm 19xx (Theo Văn bản uỷ quyền số 14350/2024/UQN-PGD ngày 12/11/2024); ông V.N.Q.H sinh năm 1998, ông L.G.Đ (Theo Văn bản uỷ quyền số 3206/2024/UQN-PGD ngày 08/4/2024); Cùng địa chỉ: Tầng X, số Y đường C.T, phường B.C (tên cũ: Phường X, Quận Y), Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH TM W; Địa chỉ: số X đường B.T.Đ, phường B.T.Đ (tên cũ: phường B.T.Đ.A, quận B.T), Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông P.V.M, sinh năm 19xx; Địa chỉ: X Lô Y, chung cư P.M.T, số X N.B, xã N.B (tên cũ: xã P.X, huyện N.B), Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông P.V.M, sinh năm 19xx; Địa chỉ: X Lô Y, chung cư P.M.T, số X N.B, xã N.B (tên cũ: xã P.X, huyện N.B), Thành phố H.

(nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của đương sự tại phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông N.M.T trình bày: Công ty TNHH TM W (sau đây gọi tắt là Công ty W) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V.N.T.V - Chi nhánh G.V theo Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 ngày 20/12/2022, hạn mức 500.000.000 đồng và thời hạn là 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoàn thiện công trình xây dựng.

Để thực hiện hợp đồng nêu trên, các bên đã cùng xác lập Khế ước nhận nợ số 261222-6945714-ONL-5 ngày 26/12/2022, số tiền vay là 500.000.000 đồng, Thời hạn vay 06 tháng, Lãi suất/năm là 22.70%, Ngày giải ngân là 26/12/2022, Ngày đến hạn là 15/06/2023, Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động hoàn thiện công trình.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, các bên đã thống nhất ký Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/221103/HDBL ngày 20/12/2022, bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản và không hủy ngang của ông P.V.M (theo khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số EGV/221103/HDBL ngày 20/12/2022). Khoản tín dụng cấp cho Công ty W không thực hiện biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty W đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo điểm a, b khoản 6 Điều 1 của các Khế ước nhận nợ trên là phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc một lần vào ngày 15/6/2023 và trả nợ lãi cho bên Ngân hàng TMCP V.N.T.V (sau đây gọi tắt là VB) theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng. Cụ thể Công ty W đã vi phạm kỳ trả gốc và lãi vào ngày 15/06/2023. VB căn cứ điểm b khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 chấm dứt cho vay, thu hồi nợ và xử lý nợ. Căn cứ điểm a điểm c khoản 3.1 Điều 3, căn cứ khoản 2.3 khoản 2.4 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103, VB chuyển nợ quá hạn của khách hàng từ ngày 16/06/2023 và khách hàng phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả là 10%/năm. Bên bảo lãnh là ông P.V.M phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ

số nợ còn nợ VB theo khoản 1 Điều 2 và điểm a khoản 1 Điều 3 Hợp đồng bảo lãnh số EGV/221103/HĐBL ngày 20/12/2022.

VB đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty W, ông P.V.M để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty W, ông P.V.M đã cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VB.

Đối với khoản vay trên thì Công ty W, ông P.V.M đã thanh toán và còn phải thanh toán cho VB các khoản tại Khế ước nhận nợ số 261222-6945714-ONL-5 ngày 26/12/2022 như sau:

Tạm tính đến ngày 29/9/2025, Công ty W đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 70.010.272 đồng, số tiền nợ lãi là 43.131.867 đồng. Công ty W còn nợ các khoản sau tại VB:

- Nợ gốc: 429.989.728 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 9.152.877 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 337.246.906 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 2.098.893 đồng

Tại Toà án, VB yêu cầu Toà án:

Buộc Công ty TNHH TM W phải trả ngay một lần cho VB tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/9/2025 là:

- Nợ gốc: 429.989.728 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 9.152.877 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 337.246.906 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 2.098.893 đồng

Kể từ ngày 30/9/2025, Công ty TNHH TM W vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VB.

Trường hợp Công ty TNHH TM W không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên thì ông P.V.M phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. Bị đơn Công ty TNHH TM W: vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P.V.M: vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu độc lập.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thủ tục thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng, hòa giải, phiên họp thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tuân theo

pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, thủ tục phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.N.T.V, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hợp đồng tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn có địa chỉ tại phường B.T.Đ, Thành phố H. Do đó, căn cứ vào các Điều 30, 35, 36 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố H.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông N.M.T để tham gia phiên tòa nhưng ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng phía bị đơn là Công ty W và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông P.V.M vẫn không đến tòa để trình bày ý kiến, tham dự hòa giải, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ kiện. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bị đơn là Công ty W và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông P.V.M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là Công ty W và ông M đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để*

chứng minh cho sự phản đối đó”; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của VB yêu cầu Công ty W phải thanh toán số tiền đã nợ là 778.488.404 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 ngày 20/12/2022, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về số nợ gốc đã vay: căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 ngày 20/12/2022, Khế ước nhận nợ số 261222-6945714-ONL-5 ngày 26/12/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/221103/HDBL ngày 20/12/2022 giữa VB và W, ông P.V.M, các chứng từ đăng ký giao dịch bảo đảm, bảng chiết tính số tiền gốc và lãi còn nợ của Công ty W, có cơ sở xác định Công ty W có thực hiện các giao dịch vay vốn với VB để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoàn thiện công trình xây dựng với tổng số tiền vay vốn là 500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty W đã thanh toán cho VB số tiền gốc là 70.010.272 đồng, số tiền nợ gốc mà Công ty W vẫn còn nợ VB là 429.989.728 đồng. Như vậy số tiền nợ gốc Công ty W còn phải trả cho VB là 429.989.728 đồng. Do Công ty W vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nêu trên nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty W phải trả cho VB số tiền nợ gốc là 429.989.728 đồng.

- Về số tiền lãi trong hạn và quá hạn, lãi chậm trả: Xét trong việc thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 ngày 20/12/2022, Khế ước nhận nợ số 261222-6945714-ONL-5 ngày 26/12/2022, Công ty W là bên vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn quy định theo hợp đồng. Theo nguyên đơn thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty W không thanh toán tiền nợ gốc từ ngày 15/6/2023 và 348.498.676 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 29/9/2025 trên số tiền nợ gốc gồm: lãi trong hạn là 9.152.877 đồng, lãi quá hạn là 337.246.906 đồng và lãi chậm trả là 2.098.893 đồng. Xét số tiền lãi do VB yêu cầu được tính dựa trên mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 ngày 20/12/2022, Khế ước nhận nợ số 261222-6945714-ONL-5 ngày 26/12/2022 nêu trên nên căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc Công ty W phải trả cho VB tiền lãi tính từ ngày 15/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 348.498.676 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 ngày 20/12/2022, Khế ước nhận nợ số 261222-6945714-ONL-5 ngày 26/12/2022.

Như vậy, Công ty W phải trả cho VB tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 778.488.404 đồng (trong đó: nợ gốc là 429.989.728 đồng, lãi trong hạn là

9.152.877 đồng, lãi quá hạn là 337.246.906 đồng và lãi chậm trả là 2.098.893 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 ngày 20/12/2022, Khế ước nhận nợ số 261222-6945714-ONL-5 ngày 26/12/2022.

Mặc khác, ông P.V.M đã cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/221103/HDBL ngày 20/12/2022 về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của ông M đối với Công ty W. Do đó, căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông P.V.M trả cho VB số tiền mà Công ty W còn nợ VB trong trường hợp Công ty W không có khả năng thanh toán đủ số tiền nợ gốc và tiền lãi cho VB.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận

[4] Về án phí: Theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Công ty Window phải chịu 35.139.536 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho VB là 778.488.404 đồng.

VB không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 30, 35, 36, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các điều 323, 335, 336, 339, 342, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.N.T.V đối với Công ty TNHH TM W:

Buộc Công ty TNHH TM W phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 778.488.404 (Bảy trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, bốn không trăm linh bốn) đồng (trong đó: nợ gốc là 429.989.728 đồng, lãi trong hạn là 9.152.877 đồng, lãi quá hạn là 337.246.906 đồng và lãi chậm trả là 2.098.893 đồng).

Buộc Công ty TNHH TM W phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/221103 ngày 20/12/2022, Khế ước nhận nợ số 261222-6945714-ONL-5 ngày 26/12/2022.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Trường hợp Công ty TNHH TM W không thanh toán số tiền 778.488.404 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nêu trên, bên bảo lãnh là ông P.V.M có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên của Công ty TNHH TM W nợ Ngân hàng TMCP V.N.T.V theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/221103/HDBL ngày 20/12/2022.

3. Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH TM W phải nộp 35.139.536 (Ba mươi lăm triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V.N.T.V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.603.939 (Mười bốn triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, chín trăm ba mươi chín) đồng theo biên lai thu số 0010847 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.T, Thành phố H (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực X – Thành phố H).

5. Án sơ thẩm xử công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV9 TPHCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh